| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 213/2018/DS-PT<br>Ngày: 07 - 11 - 2018<br>V/v tranh chấp đất đai về đòi đất do lấn chiếm và đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Phương Loan

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Văn Út

Ông Nguyễn Thành Lập

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc "*Tranh chấp đất đai về đòi đất do lấn chiếm, đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2018/DS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Cao Minh M , sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

2. Ông Cao Kim M , sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

3. Ông Cao Minh H , sinh năm 1961.

Địa chỉ: Đ, khóm Y, phường Z, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

4. Ông Cao Minh X , sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khóm X, phường T, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

5. Bà Cao Thị Ngọc D , sinh năm 1966.

Địa chỉ: Đường N, khóm Y, phường Z, thành phố C , tỉnh Cà Mau

6. Ông Cao Minh Ng , sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà X Qu, khóm Y, phường Z, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

7. Ông Cao Minh Kh , sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố C , tỉnh Cà Mau

*Người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn:* Ông Cao Minh Kh , sinh năm 1973 (có mặt); Địa chỉ: ấp X, xã T, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*:

Bà Cao Thị Th , sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số nhà X, ấp X, xã T, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th là anh Mã Quang Th , sinh năm 1978, địa chỉ Ấp X, xã T, thành phố C , tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Mã Quang M , sinh năm 1950 (có mặt).

2. Anh Mã Quang Th , sinh năm 1978 (có mặt)

3. Anh Mã Thành D (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

4. Chị Mã Thị Xuân Tr , sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X, đường B, khóm Y, phường Z, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

5. Chị Mã Thị Thanh H , sinh năm 1988 (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Thành Ph , sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà X, T, phường Z, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

7. Anh Mã Thành N , sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X , ấp X, xã T, thành phố C , tỉnh Cà Mau

8. Ông Cao Văn U , sinh năm 1960 (vắng mặt).

9. Bà Lê Thị L , sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà X, đường N, phường Y, thành phố C

10. Bà Lê Thị Ng , sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, đường B, khóm Y, phường Z, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

11. Ngân hàng N – chi nhánh thành phố C , tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng:* Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh thành phố C , tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

12. Ủy ban nhân dân thành phố C .

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Thanh D – Phó trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C , tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Cao Minh Kh – Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn; bà Cao Thị Th bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông Cao Minh Kh trình bày:*

Ông Cao Ngọc Đ là ông nội của các nguyên đơn có phần đất B tổng diện tích là 18 công tọa lạc tại ấp X, xã T , thành phố C (nay là khóm X, phường T, thành phố C ), năm 1993 ông Đ cho ông M một phần 09 công, năm 1994 ông Đ cho ông Q 04 công, phần còn lại 05 công ông Đ cho bà Th . Sau khi ông Đ cho đất, ông M , ông Q , bà Th đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2000 ông Đ qua đời, đến năm 2006 bà Th khởi kiện yêu cầu được nhận di sản thừa kế 13 công đất B theo tờ di ngôn ngày 21/10/1971 do ông Đ để lại. Tòa án thành phố C và Tòa án tỉnh Cà Mau đều chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th , buộc ông Q giao lại 04 công đất B cho bà Th quản lý sử dụng. Năm 2008 bà Th được thi hành án, đến năm 2009 bà Th và ông M (là chồng bà Th ) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 3.072,5m$^2$.

Năm 2011, Tòa án nhân dân Tối Cao xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án của Tòa án thành phố C và Tòa án tỉnh Cà Mau. Sau khi hủy án bà Th không đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp nên Tòa án thành phố C đình chỉ giải quyết vụ án. Bà Th tiến hành lập thủ tục tặng cho đất cho các con bà Th , các con bà Th tiếp tục lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhiều người khác, những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hiện đã xây dựng công trình, kiến trúc và nhà ở trên đất. Ngoài ra, khi Nhà nước làm lộ đã thu hồi một phần đất và bồi thường cho bà Th số tiền 39.204.000 đồng.

Nay ông Kh đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn yêu cầu bà Th trả lại cho các nguyên đơn diện tích 3.072,5 m$^2$ đất. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các con bà Th ; Buộc bà Th trả lại số tiền mà bà Th đã nhận bồi hoàn do Nhà nước thu hồi đất có diện tích 871,2 m$^2$ bằng 39.204.000 đồng và bồi thường tiền lãi là 23.130.360 đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Mã Quang Th trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Cao Ngọc Đ (cha bà Th ), khi còn sống ông Đ có lập di chúc với nội dung: Ai phụng dưỡng và thờ cúng ông Đ thì ông Đ cho lại phần đất này. Thực tế bà Th là người ở chung và phụng dưỡng ông Đ , sau khi ông Đ qua đời thì bà Th là người thờ cúng cho đến nay. Phần đất hương hỏa có diện tích là 13 công, khi bà Th khởi kiện yêu cầu ông Q trả lại phần đất hương hỏa cho bà Th nhưng Tòa án thành phố C và Tòa án tỉnh Cà Mau xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th , buộc ông Q trả lại cho bà Th 04 công đất B với diện tích theo đo đạc thực tế là 3.395,35m$^2$, không chấp nhận yêu cầu đòi lại 09 công với diện tích 7.781,35m$^2$, từ đó bà Th được thi hành án, đến năm 2009 bà Th và ông M được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất thửa số 1378, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.072,5m$^2$. Một phần Nhà nước thu hồi để làm lộ với diện tích 871,2m$^2$ và bồi thường cho bà Th số tiền 39.204.000 đồng.

Sau khi bà Th và ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2012, bà Th và ông M đã lập thủ tục tặng cho lại các con, sau đó các con bà Th đã chuyển nhượng lại cho nhiều người khác. Hiện nay, bà Th không đồng ý trả đất và trả tiền do Nhà nước bồi thường tiền thu hồi đất và tiền lãi theo yêu cầu của các nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố C trình bày:*

Ngày 07/7/1999 Ngân hàng có cho ông Q vay 7.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/7/2000. Ngày 22/12/1999 Ngân hàng có cho ông Q vay 3.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng 15/11/2011. Tài sản đảm bảo cho hai khoản vay là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M701891 đứng tên Cao Minh Q diện tích 13.500m$^2$ tại ấp X, xã T , thành phố C (nay là phường T, thành phố C). Trong quá thực hiện hợp đồng ông Q đóng lãi được một lần của lần vay thứ nhất 431.200 đồng. Ngày 01/12/2010, con ông Q là Cao Minh M đến Ngân hàng xin trả gốc để giảm lãi phát sinh, lãi sẽ trả sau, Ngân hàng chấp nhận yêu cầu của ông M . Cụ thể trả gốc của khoản nợ thứ nhất 6.990.000 đồng và khoản nợ thứ hai 2.990.000 đồng. Số nợ ông Q còn phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 31/8/2016 là 20.643.187 đồng. Hiện nay, khoản nợ của ông Q đã quá hạn và vi phạm hợp đồng, tuy nhiên ông Q đã chết. Ngân hàng chưa có yêu cầu các con ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ, sau này nếu có phát sinh tranh chấp Ngân hàng sẽ kiện bằng vụ kiện khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày:*

Năm 1999 ông Cao Minh Q địa chỉ tại ấp X, xã T, thành phố C , tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố Cà Mau), tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 19 ngày 02/01/1999 của gồm các thửa:

+ Thửa số 0024, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.610m$^2$, loại đất hoang;

+ Thửa 0037, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.620m$^2$, loại đất trồng lúa;

+ Thửa 0182, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.270m$^2$, trong đó 300m$^2$ đất thổ cư và 1.970m$^2$ đất vườn;

Tổng diện tích cấp cho ông Q là 13.500m$^2$, tọa lạc tại ấp X, xã T , thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là khóm X, phường T, thành phố C ). Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q thể hiện, ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp được ông Cao Ngọc Đ tặng cho. Việc Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là Ủy ban nhân dân thành phố C ) cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Minh Q theo quyết định số 19 ngày 02/01/1999 là đúng theo trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Ngày 14/01/2009 Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00111 cho bà Cao Thị Th và Mã Quang M đứng tên phần đất tại ấp X, xã T (nay là khóm X, phường T ), thành phố C với diện tích 3.072,50 $m^2$, thuộc thửa số 1378, tờ bản đồ số 05, loại đất trồng lúa là cấp trùng với thửa số 37, tờ bản đồ số 03 do ông Q đứng tên năm 1999.

Sau khi bà Th và ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1378, tờ bản đồ số 03, năm 2012 bà Th và ông M lập hợp đồng tặng cho lại các con, cụ thể là Mã Quang Th 363,21$m^2$; Mã Thị Thanh H 2.027,31$m^2$; Mã Thị Xuân Tr 356,49$m^2$; Mã Thành N 325,49$m^2$.

Năm 2012, anh Th, chị H, chị Tr, anh N được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cùng năm 2012, anh Th, chị H, chị Tr, anh N lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho những người khác cụ thể, anh Mã Quang Th chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích 363,21$m^2$ cho ông Cao Văn U và bà Lê Thị L , chị Mã Thị Thanh H chuyển nhượng lại cho ông Cao Văn U và bà Lê Thị L 66,7$m^2$; anh Mã Thành N chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích 325,49$m^2$ cho bà Lê Thị Ng ; chị Mã Thị Xuân Tr chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích 356,49$m^2$ cho Mã Thị Thanh H và Nguyễn Thành Ph . Ông Cao Văn U và bà Lê Thị L , bà Lê Thị Ng , Mã Thị Thanh H và Nguyễn Thành Ph đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Cao Thị Th và ông Mã Quang M , Mã Quang Th , Mã Thị Thanh H và Nguyễn Thành Ph , Mã Thị Xuân Tr , Mã Thành N , Cao Văn U và bà Lê Thị L , Lê Thị Ng là đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Trước yêu cầu khởi kiện của các con ông Q về việc yêu cầu bà Th trả lại đất, Ủy ban nhân dân thành phố C không có ý kiến, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án, ông Mã Quang M , chị Mã Thị Thanh H , anh Nguyễn Thành Ph , chị Mã Thị Xuân Tr , anh Mã Thành N , ông Cao Văn U , bà Lê Thị L , bà Lê Thị Ng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng tất cả đều vắng mặt mà không có lý do.

*Tại bản án sơ thẩm dân sự số: 64/2018/DS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn.

Buộc bị đơn Cao Thị Th trả cho các nguyên đơn tổng số tiền 277.334.360 đồng; (trong đó: trị giá 3.072,5$m^2$ tọa lạc tại khóm X, phường T, thành phố C , tỉnh

Cà Mau bằng 215.000.000 đồng; số tiền do Nhà nước thu hồi 871,20 $m^2$ bằng 39.204.000 đồng; và tiền lãi 23.130.360 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Cao Thị Th và Mã Quang M .

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/6/2018 ông Cao Minh Kh là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Yêu cầu bà Th và ông M giao trả phần đất có diện tích là 3.072,5$m^2$ và trả số tiền do Nhà nước thu hồi đất và bồi thường là 39.204.000 đồng và tiền lãi là 23.130.360 đồng.

Ngày 18/6/2018 bị đơn bà Cao Thị Th kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, bà Th không đồng ý trả tiền giá trị đất, tiền bà Th nhận bồi thường và tiền lãi cho các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn ông Cao Minh Kh và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Mã Quang Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Minh Kh và bà Cao Thị Th , giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Cao Minh Kh , Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất hiện nay các nguyên đơn khởi kiện bà Th để đòi lại có diện tích 3.072,50$m^2$ tọa lạc tại khóm X, phường T, thành phố C , tỉnh Cà Mau là của cụ Cao Ngọc Đ qua đời để lại. Cụ Cao Ngọc Đ là cha bà Th và ông Q , các nguyên đơn là con ông Q . Cụ Cao Ngọc Đ có 02 người vợ, người vợ thứ nhất tên Trương Thị Gi qua đời năm 1942, người vợ thứ hai tên Lý Thị K qua đời năm 2005. Ông Cao Minh Q là con cụ Đ và cụ Gi . Bà Cao Thị Th là con cụ Đ với cụ Kiết. Năm 1971 cụ Đ có lập tờ di ngôn, theo nội dung di ngôn cụ Đ có phần đất là đất B , sau khi cụ Đ chết thì ai thờ cúng cụ, người đó được lãnh đất.

Năm 2000 cụ Đ qua đời, năm 2006 bà Th khởi kiện ông Q và con ông Q là ông M để yêu cầu được nhận di sản thừa kế 13 công đất tại B theo di ngôn của cụ Đ để lại. Tại bản án sơ thẩm số 157/2007/DS-ST ngày 26/7/2007 của Tòa án nhân dân thành phố C và bản án phúc thẩm số 585/2007/DSPT ngày 17/12/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xác định phần đất B 18 công do cụ Đ để lại đã được ông M đăng ký kê khai 09 công, ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất còn lại 04 công ông Q cũng được ông Đ cho, sau đó ông Q cho ông M để thờ cúng bà nội là Trương Thị Gi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do khi ông Đ qua đời, bà Th là người thờ cúng cụ Đ nên Tòa án nhân dân thành phố C và Tòa án tỉnh Cà Mau đã giao 04 công với diện tích theo đo đạc thực tế là 3.395,35m$^2$, cho bà Th được quyền quản lý và sử dụng. Bà Th đã được thi hành án, bà Th cùng chồng là ông Mã Văn M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 3.072,5m$^2$. Một phần Nhà nước thu hồi để làm lộ với diện tích 871,2m$^2$ và bồi thường cho bà Th số tiền 39.204.000 đồng.

[2] Tại Quyết định giám đốc thẩm số 21/2011/DS-GĐT ngày 18/01/2011 của Tòa án nhân dân tối cao đã hủy án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C và bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau để làm rõ việc thờ cúng các cụ của gia tộc bà Th và ông Q . Trong thời gian giải quyết lại vụ án, bà Th không tham gia giải quyết vụ án nên Tòa án đã đình chỉ vụ án. Vào năm 2011, ông Q qua đời nên các con ông Q đã khởi kiện yêu cầu bà Th phải giao trả phần đất với diện tích 3.072,5m$^2$ và số tiền bà Th nhận bồi thường là 39.204.000 đồng và số tiền lãi là 23.130.360 đồng, tính từ ngày bà Th được nhận tiền bồi thường 01/01/2008 đến ngày 01/11/2012.

Theo biên bản làm việc ngày 05/11/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Kh thừa nhận bà Th là người sống chung với cụ Đ và cụ K (Cha mẹ bà Th ), năm 2000 cụ Đ qua đời thì bà Th là người lo mai táng và thờ cúng cụ Đ , đến năm 2005 cụ K qua đời thì bà Th cũng là người thờ cúng cụ K và cụ Đ cho đến nay. Ông Kh cho rằng sau khi cụ Đ qua đời được một năm thì ông Q cũng có lập bàn thờ để thờ cụ Đ , đến năm 2011 ông Q qua đời thì hiện nay ông Kh là người tiếp tục thờ cúng cụ Đ , tuy nhiên hàng năm tất cả các chị em bà Th là con của cụ Đ và cụ K thì đến dự đám giỗ nhà bà Th còn các anh em của ông Kh là con ông Q thì dự đám giỗ nhà ông Kh .

[3] Xét thấy đã qua bà Th là người sống chung với cụ Đ đến khi cụ Đ qua đời thì bà Th cũng là người lo mai táng và thờ cúng cụ Đ cho đến nay, bà Th không từ chối việc thờ cúng cụ Đ để giao cho ông Q thờ cúng, việc ông Q có thờ nhưng việc thờ cụ Đ là do ông Q tự lập bàn thờ để thờ cúng cụ Đ , các con cụ Đ

cũng không đồng ý với việc ông Q thờ cúng nên đã tham dự đám giỗ của cụ Đ tại nhà bà Th , vì vậy theo di ngôn năm 1971 của cụ Đ thì bà Th là người thờ cúng, do đó hiện nay các con ông Q yêu cầu bà Th giao lại phần đất 04 công với diện tích 3.072,5m$^2$ và số tiền bà Th nhận bồi thường diện tích đất do Nhà nước thu hồi làm lộ là 871,2m$^2$ bằng 39.204.000 đồng và số tiền lãi là 23.130.360 đồng tính từ ngày bà Th được nhận tiền bồi thường 01/01/2008 đến ngày 01/11/2012 là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm nhận định bà Th là người thờ cúng cụ Đ nhưng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc bà Th trả lại cho các nguyên đơn số tiền trị giá đất tranh chấp là 3.072,5m$^2$ = 215.000.000 đồng và buộc bà Th trả lại cho các nguyên đơn số tiền do Nhà nước thu hồi 871,20 m$^2$ bằng 39.204.000 đồng và buộc bà Th phải bồi thường thiệt hại cho các nguyên đơn về số tiền bà Th đã nhận bằng khoản tiền lãi là 23.130.360 đồng là không phù hợp với di ngôn do cụ Đ qua đời để lại và không phù hợp với nhận định của Quyết định giám đốc thẩm Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Th về việc không đồng ý trả giá trị đất và tiền nhận bồi thường, tiền lãi cho các nguyên đơn và đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử thấy rằng, như nhận định trên, cấp sơ thẩm xác định bà Th là người thờ cúng cụ Đ nhưng cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc bà Th trả tiền giá trị đất trên diện tích đất tranh chấp, trả số tiền do Nhà nước thu hồi đất và bồi thường thiệt hại cho các nguyên đơn bằng khoản tiền lãi là không phù hợp. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C mà không cần hủy án theo yêu cầu kháng cáo của bà Th .

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của các đồng nguyên đơn không có chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm các nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm, do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Th nên bà Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn: Ông Cao Minh M , ông Cao Kim M , ông Cao Minh H , ông Cao Minh X , bà Cao Thị Ngọc D , ông Cao Minh Ng , ông Cao Minh Kh .

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị Th .

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ông Cao Minh M , ông Cao Kim M , ông Cao Minh H , ông Cao Minh X , bà Cao Thị Ngọc D , ông Cao Minh Ng , ông Cao Minh Kh về việc yêu cầu bà Cao Thị Th trả diện tích đất là 3.072,5m$^2$ tọa lạc tại khóm X, phường T, thành phố C , tỉnh Cà Mau và số tiền do Nhà nước thu hồi 871,20 m$^2$ bằng 39.204.000 đồng và tiền lãi 23.130.360 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Cao Thị Th và Mã Quang M .

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Các nguyên đơn là ông Cao Minh M , ông Cao Kim M , ông Cao Minh H , ông Cao Minh X , bà Cao Thị Ngọc D , ông Cao Minh Ng , ông Cao Minh Kh phải chịu 13.866.000 đồng (đã làm tròn số). Ngày 29/11/2012 các nguyên đơn đã dự nộp 6.934.000 đồng theo biên lai thu tiền số 004007 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, các nguyên đơn còn phải tiếp tục nộp 6.932.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Bị đơn bà Cao Thị Th không phải chịu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Cao Minh M , ông Cao Kim M , ông Cao Minh H , ông Cao Minh X , bà Cao Thị Ngọc D , ông Cao Minh Ng , ông Cao Minh Kh phải chịu 300.000 đồng. Đã qua ông Cao Minh Kh có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000899 ngày 11/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

Bà Cao Thị Th không phải chịu án phí phúc thẩm. Đã qua, bà Th có dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000948 ngày 21/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã Ký)**

**Bùi Thị Phương Loan**